

Số: 2741/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 25 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ
cho học viên Cao học khóa XXVIII (2020-2022) (đợt 3)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ ngày 29 tháng 3 năm 1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc giao nhiệm vụ đào tạo cán bộ trên đại học cho Trường ĐHSV Vinh (nay là Trường Đại học Vinh);

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 863/QĐ-ĐHV ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1986, 1987, 1988/QĐ-ĐHV ngày 10/8/2020, Quyết định số 2398/QĐ-ĐHV ngày 15/9/2020, Quyết định số 3853, 3854/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc công nhận trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Vinh khóa XXVIII (2020-2022);

Căn cứ kết luận cuộc họp ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp Cao học;

Theo đề nghị của Trường các đơn vị có học viên xét tốt nghiệp, Trường phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ cho 260 học viên cao học khóa XXVIII (2020-2022) của Trường Đại học Vinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng các đơn vị có học viên xét tốt nghiệp, Trưởng phòng Công tác chính trị học sinh - sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2;
- Đ/c Hiệu trưởng (b/c)
- Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT (b/c);
- Lưu: HCTH, SĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Cúc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXVIII (2020-2022)
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ (ĐỢT 3)

(Kèm theo Quyết định số 2741/QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 10 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

STT	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TB tích lũy	Luận văn TN	Chuyên ngành	Ghi chú
1	20846010410002	Bùi Thị Hiền	02/09/1980	45	7.83	8.5	Đại số và lý thuyết số	
2	20846010410003	Đào Thị Lê Hoàn	24/07/1976	45	8.67	9.0	Đại số và lý thuyết số	
3	20846010410004	Đinh Việt Hùng	22/08/1976	45	8.1	9.0	Đại số và lý thuyết số	
4	20846010410005	Nguyễn Thị Hương	23/03/1982	45	8.19	9.0	Đại số và lý thuyết số	
5	20846010410006	Lê Thị Ngọc Lan	01/11/1982	45	8.35	9.0	Đại số và lý thuyết số	
6	20846010410014	Nguyễn Thị Thanh Mai	08/10/1973	45	8.87	9.0	Đại số và lý thuyết số	
7	20846010410008	Lê Mai Pháp	01/05/1980	45	8.28	9.0	Đại số và lý thuyết số	
8	20846010410009	Vũ Đình Quyết	16/03/1983	42	8.21	8.5	Đại số và lý thuyết số	Miễn NN
9	20846010410010	Nguyễn Thị Thanh Tân	15/09/1987	45	8.63	9.0	Đại số và lý thuyết số	
10	20846010410011	Đỗ Thị Thu	07/07/1977	45	8.53	9.0	Đại số và lý thuyết số	
11	20846010410012	Lê Thị Thu Thủy	13/05/1980	45	8.59	9.0	Đại số và lý thuyết số	
12	20846010410013	Nguyễn Thị Minh Trâm	16/10/1979	45	8.33	9.0	Đại số và lý thuyết số	
13	20846010410007	Trần Quang Vinh	24/10/1983	45	8.03	9.0	Đại số và lý thuyết số	
14	20846010410015	Lê Thị Dung	02/03/1986	45	8.71	9.0	Đại số và lý thuyết số	
15	20846010410016	Phạm Anh Dũng	01/09/1994	45	8.49	9.0	Đại số và lý thuyết số	
16	20846010410017	Đinh Công Minh	17/01/1993	45	8.15	9.0	Đại số và lý thuyết số	
17	20846010410021	Lê Thị Nam	03/09/1987	45	8.5	8.5	Đại số và lý thuyết số	
18	20846010410019	Phạm Thị Thu	26/12/1974	45	8.61	9.0	Đại số và lý thuyết số	

TN K28 đợt 3

STT	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TB tích lũy	Luận văn TN	Chuyên ngành	Ghi chú
19	20846010410020	Nguyễn Đăng Trúc	07/09/1994	45	8.51	9.0	Đại số và lý thuyết số	
20	20846010410018	Đặng Thị Văn	11/03/1979	45	8.53	9.0	Đại số và lý thuyết số	
21	208140111110001	Hoàng Minh Anh	02/11/1997	42	8.32	9.0	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
22	208140111110025	Nguyễn Thị Việt Hà	14/10/1997	42	8.09	9.0	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
23	208140111110026	Trần Xuân Hải	28/07/1983	45	8.89	10	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	
24	208140111110027	Nguyễn Thị Hằng	03/07/1998	42	8.24	9.0	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
25	208140111110028	Phan Thị Hoài	15/08/1998	42	8.23	9.0	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
26	208140111110024	Nguyễn Huy Hoàng	28/01/1983	45	7.78	8.5	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	
27	208140111110004	Trần Thị Thanh Huyền	20/10/1995	45	7.57	8.3	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	
28	208140111110005	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	06/03/1998	42	7.91	8.3	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
29	208140111110006	Đoàn Thị Liên	15/03/1995	45	8.27	9.0	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	
30	208140111110009	Lê Mai Linh	22/03/1998	42	8.14	9.0	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
31	208140111110008	Phạm Thị Linh	06/12/1998	42	7.99	9.0	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
32	208140111110007	Phạm Thùy Linh	02/10/1998	42	8.39	9.0	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
33	208140111110010	Phạm Thị Quỳnh My	23/10/1996	45	7.89	8.5	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	
34	208140111110011	Bùi Thị Bích Nga	09/10/1996	42	7.87	8.5	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
35	208140111110012	Trần Thị Nguyệt	22/11/1981	45	8.29	9.0	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	
36	208140111110033	Đinh Hữu Nhân	15/10/1989	45	8.32	9.0	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	
37	208140111110013	Nguyễn Thị Nhung	01/02/1980	45	8.16	9.0	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	
38	208140111110014	Trần Lâm Oanh	24/07/1998	42	7.98	8.5	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	
39	208140111110015	Trần Đức Quân	06/11/1996	45	7.93	8.5	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
40	208140111110016	Hoàng Xuân Quỳnh	10/11/1992	45	7.97	8.5	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	
41	208140111110017	Nguyễn Thị Hồng Thắm	03/02/1997	42	8.06	9.0	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN

STT	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TB tích lũy	Luận văn TN	Chuyên ngành	Ghi chú
42	208140111110030	Lương Văn Thắng	15/07/1980	45	7.87	8.5	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	
43	208140111110018	Nguyễn Hữu Khánh Thành	21/08/1978	45	7.88	8.5	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	
44	208140111110019	Nguyễn Trọng Thìn	17/09/1977	45	7.51	8.5	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	
45	208140111110020	Nguyễn Thị Thùy	01/07/1994	45	7.77	8.5	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	
46	208140111110021	Phan Thị Phương Trà	11/10/1998	42	8.17	9.0	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
47	208140111110022	Phan Phương Trâm	01/04/1998	42	8.31	10	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
48	208140111110031	Văn Thị Quỳnh Trang	26/04/1997	42	7.92	8.4	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
49	208140111110023	Trần Văn Truyền	27/12/1997	42	7.92	8.5	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
50	208140111110002	Phan Ngọc Cẩm Tú	02/02/1996	42	8.09	8.9	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
51	208140111110032	Trương Thị Kim Tùng	24/10/1992	45	8.23	8.9	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	
52	208140111110029	Nguyễn Thị Hà Vi	14/10/1998	42	7.92	8.4	Lý luận và PPDH bộ môn Toán	Miễn NN
53	208140101110042	Lô Thị Tú Anh	10/09/1997	43	8.01	8.9	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
54	208140101110041	Nguyễn Thị Lan Anh	10/06/1997	43	8.07	8.6	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
55	208140101110018	Cao Ngọc Linh Đan	15/02/1998	43	7.94	8.4	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
56	208140101110040	Nguyễn Thị Duyên	17/04/1998	43	8.22	8.7	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
57	208140101110020	Nguyễn Thị Giang	08/10/1997	43	8	8.9	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
58	208140101110022	Hồ Thị Thu Hằng	17/04/1998	43	7.99	8.3	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
59	208140101110021	Nguyễn Thị Hằng	28/06/1997	43	7.83	8.3	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
60	208140101110023	Nguyễn Thị Hoài	20/01/1988	46	7.79	8.4	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
61	208140101110024	Nguyễn Ngọc Hồng	01/11/1982	46	8.33	8.8	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
62	208140101110025	Lê Thị Mỹ Huệ	28/02/1990	46	7.6	8.2	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
63	208140101110026	Hồ Thị Thu Hương	04/09/1977	46	8.38	9.2	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
64	208140101110027	Hà Thị Thu Hường	26/06/1998	43	7.89	8.4	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN

STT	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TB tích lũy	Luận văn TN	Chuyên ngành	Ghi chú
65	208140101110045	Hồ Thị Hường	16/12/1997	43	8.08	8.0	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
66	208140101110028	Kim Thị Hiếu Kiên	24/08/1998	43	7.97	8.4	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
67	208140101110029	Cù Khánh Linh	07/08/1997	43	7.95	8.4	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
68	208140101110030	Nguyễn Xuân Lộc	07/11/1979	46	7.56	8.2	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
69	208140101110031	Trần Thị Thanh Ngân	14/07/1997	43	7.79	8.4	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
70	208140101110032	Dương Thị Thúy Quỳnh	24/10/1997	43	8.12	8.9	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
71	208140101110033	Nguyễn Phương Thảo	18/04/1998	43	8.13	8.6	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
72	208140101110044	Nguyễn Hoa Thiên	13/03/1998	46	8.32	8.9	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
73	208140101110043	Lê Thị Huyền Thương	10/06/1996	46	8.26	8.8	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
74	208140101110034	Phan Thị Thanh Trà	21/11/1996	43	7.84	8.2	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
75	208140101110036	Lữ Huyền Trang	18/08/1998	43	7.95	8.4	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
76	208140101110037	Lương Thị Quỳnh Trang	05/08/1998	43	8.08	8.8	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
77	208140101110035	Mai Hà Trang	02/09/1998	43	7.89	8.2	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Miễn NN
78	208140101110039	Trần Văn Trí	08/11/1984	46	8.37	8.7	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
79	208140101110019	Hứa Thị Hải Yến	14/12/1990	46	8.03	8.4	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
80	208140101110046	Đỗ Phương Hồng	12/11/1997	46	8.6	8.8	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
81	208140101110048	Đỗ Thị Hường	02/09/1998	46	8.43	8.0	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
82	208140101110047	Vũ Thị Hường	02/05/1998	46	8.28	8.9	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
83	208140101110049	Nguyễn Thị Thanh Mai	13/12/1989	46	8.28	8.8	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
84	208140101110050	Đinh Thị Ly Na	08/08/1997	46	8.43	8.7	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
85	208140101110056	Nguyễn Thị Hồng Ngát	12/02/1997	46	8.17	8.0	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
86	208140101110052	Tạ Thị Ngoan	04/01/1995	46	8.15	8.7	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
87	208140101110053	Nguyễn Diệu Nương	05/09/1995	46	8.17	8.5	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	

STT	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TB tích lũy	Luận văn TN	Chuyên ngành	Ghi chú
88	208140101110054	Mai Hữu Phước	28/10/1998	46	8.43	8.7	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
89	208140101110055	Đào Thị Thủy	11/01/1988	46	8.64	8.9	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
90	208140101110051	Ngô Thị Thu Trang	25/01/1994	46	8.2	8.5	Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	
91	208140101210014	Trần Thị Vân Anh	25/06/1987	43	8.71	8.8	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	Miễn NN
92	208140101210001	Nguyễn Thị Bình	18/11/1981	46	8.54	8.8	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
93	208140101210017	Lê Thị Việt Hà	22/11/1989	46	8.58	8.8	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
94	208140101210005	Hoàng Thị Mỹ Hào	06/10/1996	46	8.41	8.7	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
95	208140101210004	Hoàng Thị Hiền	24/04/1983	46	8.57	8.7	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
96	208140101210003	Lê Thị Hiền	12/02/1984	46	8.63	8.8	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
97	208140101210006	Trần Thị Thu Hồng	12/09/1976	46	8.71	8.8	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
98	208140101210007	Trần Thị Huệ	25/03/1986	46	8.51	8.5	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
99	208140101210016	Nguyễn Thị Hương	12/03/1978	46	8.43	8.6	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
100	208140101210008	Trần Thị Hồng Lê	01/09/1979	46	8.6	8.5	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
101	208140101210013	Phạm Bích Ngọc	25/12/1985	46	8.49	8.5	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
102	208140101210015	Bạch Thị Thanh	24/08/1990	46	8.35	8.6	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
103	208140101210010	Trần Thị Kim Thoa	22/09/1998	43	8.35	8.7	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	Miễn NN
104	208140101210011	Hà Thị Thủy	27/10/1983	46	8.37	8.6	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
105	208140101210012	Hà Thị Minh Trang	29/10/1992	46	8.44	8.7	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
106	208140101210002	Nguyễn Thị Trang	01/11/1989	46	8.43	8.8	Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)	
107	20842011110009	Nguyễn Bá Hưng	03/06/1982	45	8.31	9.5	Thực vật học	
108	20842011110010	Vương Thái Huy	14/02/1984	45	8.11	9.0	Thực vật học	
109	20842011110015	Đinh Văn Khang	27/08/1995	45	8.26	9.0	Thực vật học	
110	20842011110011	Nguyễn Văn Lê	02/01/1986	45	9	10	Thực vật học	

STT	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Số tín chỉ tích lũy	Điểm TB tích lũy	Luận văn TN	Chuyên ngành	Ghi chú
111	20842011110012	Trần Đức Long	01/01/1988	45	8.38	9.0	Thực vật học	
112	20842011110013	Đặng Kim Oanh	11/06/1979	45	8.45	9.0	Thực vật học	
113	20842011110007	Lê Thanh Toán	06/02/1991	45	8.39	9.5	Thực vật học	
114	20842011110001	Phan Bá Đông	05/09/1971	45	8.63	9.0	Thực vật học	
115	20842011110002	Nguyễn Công Hải	10/10/1981	45	8.59	9.0	Thực vật học	
116	20842011110003	Nguyễn Cảnh Hiếu	06/09/1983	45	8.45	9.5	Thực vật học	
117	20842011110004	Phan Thị Hồng	18/04/1977	45	8.25	9.0	Thực vật học	
118	20842011110005	Đặng Thị Loan	18/09/1983	45	8.27	9.0	Thực vật học	
119	20842011110006	Nguyễn Thị Minh	13/08/1976	45	8.57	9.8	Thực vật học	
120	20842011110014	Hồ Thị Thúy Phương	12/08/1981	45	8.33	9.0	Thực vật học	
121	20842011110008	Đậu Thị Diệu Thúy	22/09/1985	45	8.64	9.0	Thực vật học	
122	20838010610057	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	25/03/1993	46	8.33	8.7	Lý luận và LSNN và pháp luật	
123	20838010610105	Nguyễn Trần Linh Chi	16/02/1997	46	8.03	8.9	Lý luận và LSNN và pháp luật	
124	20838010610059	Nguyễn Văn Chiến	20/10/1980	46	8.51	10	Lý luận và LSNN và pháp luật	
125	20838010610060	Nguyễn Văn Dân	05/05/1989	46	8.25	8.8	Lý luận và LSNN và pháp luật	
126	20838010610064	Hoàng Kim Dung	22/05/1981	46	8.29	8.8	Lý luận và LSNN và pháp luật	
127	20838010610063	Trần Tiến Dũng	24/03/1997	43	8.35	9.5	Lý luận và LSNN và pháp luật	
128	20838010610062	Phạm Bá Trung Đức	01/10/1997	43	8.18	8.7	Lý luận và LSNN và pháp luật	Miễn NN
129	20838010610061	Trần Trung Đức	09/05/1992	43	8.19	8.8	Lý luận và LSNN và pháp luật	Miễn NN
130	20838010610065	Nguyễn Thị Trà Giang	13/06/1981	46	8.27	9.0	Lý luận và LSNN và pháp luật	Miễn NN
131	20838010610067	Nguyễn Hồng Hiếu	11/11/1997	43	8.12	8.7	Lý luận và LSNN và pháp luật	
132	20838010610068	Ngô Thị Hoa	20/01/1997	46	7.87	8.5	Lý luận và LSNN và pháp luật	Miễn NN
133	20838010610069	Phạm Thị Hoa	22/04/1997	43	8.1	8.6	Lý luận và LSNN và pháp luật	Miễn NN